TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2019/QĐST-KDTM	*Quận 7, ngày 17 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 74/2018/TLST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D; địa chỉ trụ sở: Đường M, khu đô thị H, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cáp Thị Hồng V, sinh năm: 1976; địa chỉ: Cư xá T, phường H, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 06/9/2019).

Bị đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường P, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Li L, sinh năm: 1975; địa chỉ: Nhà máy Nhiệt điện C, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 09/9/2019).

Người phiên dịch cho ông Li L: Bà Tăng Thị Ngọc A, sinh năm 1992; địa chỉ: Đường T, huyện O, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Nhà máy nhiệt điện C, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự xác nhận: Căn cứ Hợp đồng số CSCECVN/S.E.A-YXDC/SUBP-016 ngày 19/7/2018, Công ty TNHH X còn nợ Công ty Cổ phần D số tiền 1.571.800.000 đồng (Một tỷ, năm trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm ngàn đồng).

Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả lại Công ty Cổ phần D số tiền 1.571.800.000 đồng (Một tỷ, năm trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm ngàn đồng), theo kỳ hạn như sau:

+ Đợt 1: Ngày 30/9/2019 thanh toán số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

+ Đợt 2: Ngày 30/10/2019 thanh toán số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

+ Đợt 3: Ngày 30/11/2019 thanh toán số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng);

+ Đợt 4: Ngày 30/12/2019 thanh toán số tiền là 671.800.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm ngàn đồng);

Trường hợp Công ty TNHH X vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán của các đợt thanh toán về số nợ phải trả theo thỏa thuận thì Công ty Cổ phần D có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền buộc Công ty TNHH X phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại làm một lần ngay sau thời điểm Công ty TNHH X vi phạm.

Ngay sau khi bị đơn Công ty TNHH X thanh toán đủ số tiền của Đợt 3 thì Công ty Cổ phần D có nghĩa vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn Công ty TNHH X với số tiền 467.400.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Trường hợp Công ty TNHH X chậm thanh toán thì Công ty TNHH X còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.577.000 đồng (Hai mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi bảy ngàn) đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.321.000 đồng (ba mươi mốt triệu, ba trăm hai mươi mốt ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0031492 ngày 09/8/2019 của Chi cục thi hành án Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong